

# Những khó khăn của việc sử dụng Google form để ôn tập kỹ năng nghe nói môn Tiếng Anh cơ bản 2 cho sinh viên Học viện Tài Chính

Hoàng Thanh Loan\*, Nguyễn Trà My\*

\*ThS. Học viện Tài chính

Received: 10/10/2024; Accepted: 17/10/2024; Published: 24/10/2024

**Abstract:** This study focuses on the difficulties of using Google Form for reviewing Basic English, listening and speaking skill in particular. This study focuses on the difficulties of using Google Form for reviewing Basic English 2 at the Finance Academy. Through surveys of students and instructors, the article points out that Google Form has significant limitations in supporting listening and speaking skills, designing complex questions, and managing students' review data. Other challenges include the technological skills required from users and reliance on internet connectivity. Therefore, the research proposes solutions to supplement supportive tools and train students in technology skills to enhance the effectiveness of Google Form in an online learning environment.

**Keywords:** Google Form, difficulties, Basic English 2, students

## 1. Đặt vấn đề

Sự phát triển của công nghệ thông tin đã mang lại nhiều công cụ hỗ trợ giảng dạy, trong đó Google Form nổi bật nhờ tính đơn giản và dễ truy cập. Tại Học viện Tài chính, môn Tiếng Anh cơ bản 2 giúp sinh viên (SV) xây dựng nền tảng ngữ pháp, từ vựng và nâng cao các kỹ năng (KN) ngôn ngữ. Để đạt hiệu quả học tập, SV cần ôn tập thường xuyên, nhưng các phương pháp truyền thống không đáp ứng được việc đánh giá liên tục và theo dõi tiến trình học cá nhân.

Google Form được nhiều giảng viên (GV) sử dụng để khắc phục những hạn chế này nhờ khả năng thiết lập bài kiểm tra nhanh và phản hồi tức thì. Tuy nhiên, khi áp dụng vào dạy ngôn ngữ, đặc biệt cho KN nghe và nói, Google Form vẫn gặp khó khăn về tính tương tác và hỗ trợ đa phương tiện. Những vấn đề này ảnh hưởng đến hiệu quả học tập của SV, đòi hỏi các giải pháp bổ sung.

Nghiên cứu này nhằm phân tích những khó khăn trong việc sử dụng Google Form để ôn tập kỹ môn Tiếng Anh cơ bản 2 trong đó có KN nghe hiểu, từ đó đề xuất giải pháp cải thiện, góp phần nâng cao chất lượng học tập trong môi trường giáo dục hiện đại.

## 2. Nội dung nghiên cứu

### 2.1. Cơ sở lý luận

#### 2.1.1. Cơ sở lý luận về Google form (Google Biểu mẫu)

##### a. Khái niệm chung về Google Form (Google Biểu mẫu)

Google Forms đã trở thành công cụ quan trọng

trong giáo dục và nghiên cứu, đặc biệt trong bối cảnh học tập trực tuyến. Cahyani và Cahyono (2020) cho rằng Google Forms là công cụ đánh giá trực tuyến hiệu quả, cho phép tạo bài kiểm tra tự động và thu thập phản hồi nhanh chóng, giúp tiết kiệm thời gian cho giáo viên và tạo thuận lợi cho SV trong việc hoàn thành bài tập.

Mendoza và Alvarado (2021) định nghĩa Google Forms là công cụ thu thập dữ liệu trực tuyến, hỗ trợ đa dạng loại câu hỏi và có khả năng tự động chấm điểm, giảm khối lượng công việc cho giáo viên và tăng tính chính xác trong đánh giá.

##### b. Những lợi ích khi sử dụng ứng dụng Google form

Google Forms có thể được sử dụng để dạy nhiều KN, bao gồm Từ vựng, Viết, Nghe và Đọc, trong môi trường giảng dạy tiếng Anh không chuyên (Phạm, 2018). Nghiên cứu này cũng cho thấy SV có thái độ tích cực với môn học khi sử dụng công cụ này.

Trong bối cảnh giáo dục hiện đại, Google Forms giúp tối ưu hóa quy trình đánh giá và kiểm tra. Theo Cahyani và Cahyono (2020), công cụ này cho phép giáo viên dễ dàng tạo bài kiểm tra trực tuyến, giảm khối lượng công việc chấm điểm và cung cấp kết quả ngay lập tức, giúp theo dõi sự tiến bộ của SV.

Google Forms cũng hỗ trợ nhiều dạng câu hỏi, cho phép thu thập dữ liệu một cách linh hoạt và hiệu quả. Kurniawati et al. (2020) cho rằng tính linh hoạt trong việc hoàn thành bài tập ở bất kỳ đâu và vào bất kỳ thời gian nào rất quan trọng đối với SV.

Cuối cùng, Smith (2020) cho biết việc tích hợp với Google Sheets giúp giáo viên phân tích dữ liệu một cách hiệu quả và giảm thiểu sử dụng giấy, góp phần bảo vệ môi trường và tiết kiệm chi phí.

### *c. Những khó khăn khi sử dụng ứng dụng Google form*

*Thứ nhất*, Google Forms thiếu khả năng cung cấp sự tương tác trực tiếp giữa giáo viên và SV. Amalia (2019) chỉ ra rằng SV gặp khó khăn khi không nhận được phản hồi kịp thời từ giáo viên, dẫn đến việc bỏ lỡ lỗi ngôn ngữ quan trọng.

*Thứ hai*, giới hạn về định dạng câu hỏi gây khó khăn cho giáo viên trong việc thiết kế các bài tập phức tạp, như bài viết luận. Sari et al. (2020) nhấn mạnh rằng Google Forms không đáp ứng đủ yêu cầu đánh giá toàn diện, đặc biệt là KN viết và không hỗ trợ hiệu quả việc đánh giá KN nghe và nói.

*Thứ ba*, việc phụ thuộc vào kết nối Internet cũng là một yếu tố quan trọng. Smith (2020) cho biết sự thiếu đồng đều về điều kiện truy cập Internet có thể gây bất bình đẳng trong học tập, ảnh hưởng đến SV ở khu vực có kết nối yếu.

Ngoài ra, thiếu giám sát trực tiếp có thể dẫn đến gian lận, khi SV dễ dàng sử dụng tài liệu hỗ trợ mà không nắm vững kiến thức (Brown, 2020). Cuối cùng, Google Forms không hỗ trợ cá nhân hóa trong việc học, điều này không phù hợp với nhu cầu của từng SV (Brown, 2019).

### *2.1.2. Cơ sở lý thuyết về Tiếng Anh cơ bản*

#### *a. Định nghĩa Tiếng Anh cơ bản*

Tiếng Anh cơ bản là khóa học ngôn ngữ tập trung vào phát triển các KN giao tiếp thiết yếu trong cuộc sống hàng ngày, bao gồm nghe, nói, đọc và viết trong các tình huống thực tế. Richards và Schmidt (2010) cho rằng khóa học không chỉ dừng lại ở việc học từ vựng và ngữ pháp mà còn hướng đến khả năng giao tiếp hiệu quả. Tương tự, Harmer (2007) cũng cho rằng đây là phương pháp dạy học nhằm giúp người học tương tác và phản hồi trong các tình huống giao tiếp hàng ngày, với trọng tâm là ngữ pháp, từ vựng, và phát âm.

#### *b. Kỹ năng nghe*

KN nghe là khả năng hiểu thông tin qua việc nhận biết âm, từ, và cấu trúc câu khi người khác nói. Đây là KN thiết yếu trong việc học tiếng Anh, giúp học viên phát triển khả năng hiểu và phản hồi trong giao tiếp. Theo Vandergrift (2007), việc luyện nghe qua các hội thoại, bài giảng, và phương tiện truyền thông giúp người học làm quen với ngữ điệu, âm sắc, và tốc độ nói của người bản ngữ, hỗ trợ họ trong các tình

huống từ giao tiếp hàng ngày đến học thuật.

#### *c. Kỹ năng Nói*

Theo Thornbury, S. (2005), KN nói là khả năng giao tiếp và thể hiện ý kiến, cảm xúc bằng tiếng Anh. Môn học này khuyến khích học viên tham gia vào các cuộc trò chuyện thực tế. Họ được thực hành phát âm, ngữ điệu và sự tự tin trong giao tiếp. KN nói không chỉ đơn thuần là việc phát âm chính xác mà còn bao gồm khả năng sử dụng ngôn ngữ một cách linh hoạt và tự nhiên. Thông qua các hoạt động nhóm, thuyết trình và trò chuyện, học viên phát triển khả năng diễn đạt ý tưởng của mình một cách rõ ràng và thuyết phục.

### **2.2. Những khó khăn của việc sử dụng Google form để ôn tập KN nghe nói môn Tiếng Anh cơ bản 2 tại Học viện Tài chính**

#### *2.2.1. Việc ôn tập KN Nói và Nghe qua Google Form gặp phải nhiều thách thức*

KN nói yêu cầu sự tương tác trực tiếp, phản hồi ngay lập tức và giao tiếp giữa GV và SV, điều mà Google Form không thể cung cấp. Điều này có thể dẫn đến sự thiếu hụt trong việc phát triển các KN giao tiếp cần thiết cho SV. Có thể thấy rõ, các KN giao tiếp như nói và nghe, vốn đòi hỏi môi trường thực hành ngôn ngữ tương tác, không phù hợp với Google Form. Việc thiếu các tính năng âm thanh và hình ảnh trong công cụ này làm hạn chế khả năng hỗ trợ SV rèn luyện các KN này.

Điều này cho thấy, mặc dù Google Form là một công cụ mạnh mẽ và tiện lợi trong việc hỗ trợ các KN học thuật như ngữ pháp và từ vựng, nhưng nó không thể đáp ứng được nhu cầu của SV trong việc phát triển toàn diện các KN ngôn ngữ giao tiếp. Để khắc phục điều này, Google Form cần được kết hợp với các công cụ khác như ứng dụng học ngôn ngữ có tích hợp âm thanh, lớp học trực tiếp, hoặc các bài kiểm tra thực hành nghe-nói. Việc này cũng mở ra những hướng nghiên cứu tiếp theo về sự kết hợp hiệu quả giữa các công cụ công nghệ khác nhau trong việc nâng cao chất lượng dạy và học các KN ngôn ngữ.

#### *2.2.2. Khó khăn về kỹ thuật và công nghệ*

Vấn đề kỹ thuật cũng là một trong những khó khăn lớn mà GV gặp phải. Tỷ lệ GV thường xuyên gặp phải sự cố kỹ thuật cho thấy rằng mặc dù Google Form có thể là một công cụ hiệu quả, nhưng vẫn cần cải thiện về mặt công nghệ. Những vấn đề như kết nối internet không ổn định, lỗi khi gửi biểu mẫu, hay khó khăn trong việc quản lý dữ liệu có thể gây ra cảm giác thất vọng và làm giảm hiệu quả sử dụng công cụ.

Một số SV có thể gặp khó khăn về mặt kỹ thuật khi sử dụng Google Form, như mất kết nối internet, lỗi trong quá trình nộp bài hoặc hạn chế trong việc hiển thị câu hỏi phức tạp. Những yếu tố này có thể gây gián đoạn và ảnh hưởng đến hiệu quả ôn tập. Nhìn chung, Google Form, mặc dù là một công cụ tiện lợi, nhưng vẫn còn nhiều hạn chế trong việc hỗ trợ ôn tập toàn diện cho SV, đặc biệt với các KN đòi hỏi sự tương tác và phản hồi chi tiết.

### 2.2.3. Thiếu sự tương tác trực tiếp giữa GV và SV

Trước hết, thiếu sự tương tác trực tiếp với GV và bạn học là một trong những trở ngại lớn. Vì Google Form chủ yếu là công cụ trắc nghiệm hoặc dạng câu hỏi trả lời ngắn, SV không có cơ hội thảo luận, trao đổi ý kiến, hay nhận được phản hồi chi tiết từ GV, điều này ảnh hưởng đến việc hiểu sâu kiến thức và phát triển KN mềm như phản xạ ngôn ngữ.

Hạn chế trong việc phản hồi chi tiết cũng là một khó khăn đáng kể. Các câu hỏi trên Google Form thường chỉ cho phép trả lời nhanh chóng, không hỗ trợ SV luyện tập KN viết dài, hoặc nhận được đánh giá chi tiết về các lỗi sai trong bài làm của mình. Điều này khiến việc học tập KN viết và hiểu biết ngữ pháp, cấu trúc câu của SV trở nên không sâu sát.

Nhìn chung, Google Form, mặc dù là một công cụ tiện lợi, nhưng vẫn còn nhiều hạn chế trong việc hỗ trợ ôn tập toàn diện cho SV, đặc biệt với các KN đòi hỏi sự tương tác và phản hồi chi tiết như KN nghe và KN nói.

## 2.3. Giải pháp

2.3.1. Đối với nhà trường, bộ môn: Chia lớp có số lượng SV nhỏ hơn, Nâng cao chất lượng đường truyền Internet; tổ chức các khóa học công nghệ giảng dạy cho GV; Đầu tư vào cơ sở hạ tầng Internet; Tổ chức kiểm tra định kỳ và bảo trì hệ thống mạng; Cung cấp hỗ trợ kỹ thuật cho SV và GV; Tổ chức các khóa học công nghệ giảng dạy cho GV; Đào tạo về công nghệ giáo dục; Hướng dẫn phương pháp giảng dạy trực tuyến hiệu quả; Cập nhật xu hướng mới trong giáo dục trực tuyến; Khuyến khích chia sẻ kinh nghiệm giữa các GV.

2.3.2. Đối với GV: Thiết kế câu hỏi đa dạng và có độ khó phù hợp, cung cấp hướng dẫn chi tiết và tài liệu hỗ trợ, thiết lập bài kiểm tra định kỳ và tính năng phản hồi ngay lập tức; Tạo các bài kiểm tra ngắn và tập trung; Khuyến khích SV tham gia vào quá trình tạo câu hỏi, tổ chức các buổi ôn tập trực tiếp kết hợp với Google Form, sử dụng các công cụ hỗ trợ khác để tăng cường KN nói, tạo môi trường học tập phản hồi liên tục.

2.3.3. Đối với SV: Lập kế hoạch ôn tập, tìm hiểu cách sử dụng Google Form, tích cực tham gia vào các bài kiểm tra và khảo sát, tạo nhóm học tập; Sử dụng các tính năng của Google Form, đưa ra phản hồi cho GV.

## 3. Kết luận

Mặc dù Google Form là công cụ hữu ích cho việc ôn tập một số nội dung lý thuyết, các hạn chế của nó trong việc đánh giá toàn diện KN ngôn ngữ và yêu cầu KN công nghệ là những vấn đề cần được lưu ý. Việc áp dụng Google Form cần đi kèm với các biện pháp hỗ trợ bổ sung để đảm bảo công cụ này phát huy tối đa hiệu quả trong việc ôn tập KN nghe nói môn Tiếng Anh cơ bản 2. Những giải pháp này không chỉ giúp nâng cao khả năng ngôn ngữ của SV mà còn tạo ra một môi trường học tập tích cực và hỗ trợ lẫn nhau, từ đó góp phần nâng cao chất lượng đào tạo tại Học viện Tài chính.

## Tài liệu tham khảo

- [1]. Amalia, D. (2019). The Use of Google Forms in Language Learning: Challenges and Opportunities. *Journal of Education and Learning*, 8(3), 200-210.
- [2]. Brown, L. (2020). Academic Dishonesty in Online Language Learning. *Journal of Educational Integrity*, 11(1), 15-25.
- [3]. Cahyani, A., & Cahyono, B. Y. (2020). Google Forms as an Assessment Tool in Online Learning: A Review. *Journal of Educational Technology*, 15(1), 50-65.
- [4]. Johnson, R. (2019). The Use of Google Forms in Teaching and Learning: An Overview. *Education and Technology Journal*, 11(4), 122-130.
- [5]. Kurniawati, N., Sari, A. P., & Yulianto, T. (2020). Using Google Forms for Online Assessment: A Case Study in Indonesian Higher Education. *International Journal of Educational Technology*, 5(3), 40-55.
- [6]. McCarthy, M., & O'Dell, F. (1994). *English Vocabulary in Use*. Cambridge: Cambridge University Press.
- [7]. Mendoza, A., & Alvarado, P. (2021). Google Forms: An Efficient Tool for Educational Assessment. *Journal of Digital Education*, 14(2), 75-83.
- [8]. Pham, D.T (2018). Application of Google Forms in EFL Classroom. *Kỷ yếu Hội thảo Quốc tế "Promoting ELT: Diverse Perspectives and New Horizons"*. NXB ĐH Sư phạm Tp Hồ Chí Minh.
- [9]. Smith, J. (2020). The Role of Technology in Language Learning: An Evaluation of Google Forms. *Technology in Education Journal*, 12(1), 90-102.